|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lý thể loại sản phẩm (Classify). |
| Tác nhân | Nhân viên quản lý. |
| Tóm tắt | Use case dùng cho nhân viên quản lý quản trị dữ liệu thể loại sản phẩm (Classify) bao gồm các việc như thêm, sửa và tìm kiếm. |
| Điều kiện tiên quyết | Nhân viên quản lý đăng nhập được vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu của mình. |
| Dòng sự kiện chính | Hệ thống hiển thị danh sách thể loại sản phẩm và các chức năng cho người dùng lựa chọn:   * Thêm. * Sửa. * Tìm kiếm.   a. Thêm   * Hệ thống hiển thị các ô trống để nhập thông tin thể loại sản phẩm. * Người dùng nhập đầy đủ thông tin thể loại sản phẩm cần thêm, trong đó mã thể loại sản phẩm (ID) là do hệ thống tự tạo. * Xác nhận thêm. * Hệ thống lưu dữ liệu thể loại sản phẩm vừa thêm vào cơ sở dữ liệu và hiển thị lại bảng danh sách thể loại sản phẩm trên màn hình.   b. Sửa   * Người dùng nhấp chọn thể loại sản phẩm cần sửa. * Hệ thống hiển thị thông tin của thể loại sản phẩm vừa chọn lên các ô thông tin tương ứng. * Người dùng chọn ô thông tin cần sửa và tiến hành sửa. * Xác nhận sửa. * Hệ thống lưu dữ liệu thể loại sản phẩm vừa sửa vào cơ sở dữ liệu và hiển thị lại bảng danh sách nhân viên trên màn hình.   c. Tìm kiếm   * Người dùng nhập từ khóa cần tìm kiếm vào ô tìm kiếm. * Nhấp vào nút tìm kiếm. * Hệ thống hiển thị thông tin cần tìm lên bảng danh sách thể loại sản phẩm (nếu tìm được). |
| Dòng sự kiện khác | Nếu người dùng không xác nhận thì sẽ hệ thống thì sẽ không lưu vào cơ sở dữ liệu và quay lại giao diện chính. |
| Trạng thái hệ thống khi bắt đầu use case | Không. |

1. Đặc tả use case

2. Use case

